

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

KẾT QUẢ THI TIẾNG ANH-A2-ĐỢT T11/2018

(Kèm theo Quyết định số: 92/ /QĐ-CDKTKT ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường CD Kinh tế - Kỹ thuật)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Điểm Nói	Điểm Đọc viết	Điểm Nghe hiểu	Tổng điểm	Kết luận	Ghi chú
1	DTU161C6402010007	Trần Thị Ngọc Bích	23.02.1998	Nữ	K12CĐ-TY	11	42	13	66	Không đạt	
2	DTU161C6402010017	Ma Thị Ái Chiên	04.10.1997	Nữ	K12CĐ-TY	10	41	12	63	Không đạt	
3	DTU161C6402010013	Triệu Mùi Ghên	08.12.1995	Nữ	K12CĐ-TY	12	47	13	72	Đạt	
4	DTU161C6402010036	Ân Văn Giang	18.11.1986	Nam	K12CĐ-TY	10	39	5	54	Không đạt	
5	DTU161C6402010012	Tổng Trường Giang	05.08.1998	Nam	K12CĐ-TY	10	46	14	70	Đạt	
6	DTU161C6402010019	Nguyễn Thị Hà	07.01.1997	Nữ	K12CĐ-TY	10	46	10	66	Không đạt	
7	DTU161C6402010005	Nguy Thị Hạnh	25.10.1997	Nữ	K12CĐ-TY	12	47	15	74	Đạt	
8	DTU161C6402010022	Hoàng Minh Hoàn	25.10.1997	Nam	K12CĐ-TY	9	44	18	71	Đạt	
9	DTU161C6402010027	Nông Đức Huỳnh	19.07.1997	Nam	K12CĐ-TY	10	47	10	67	Không đạt	
10	DTU161C6402010003	Lê Quang Minh	23.07.1998	Nam	K12CĐ-TY	11	49	10	70	Đạt	
11	DTU161C6402010018	Nông Thị Mường	10.05.1997	Nữ	K12CĐ-TY	11	48	22	81	Đạt	
12	DTU161C6402010034	Nguyễn Hải Nam	22.02.1998	Nam	K12CĐ-TY	10	45	13	68	Không đạt	
13	DTU161C6402010009	Đàm Văn Quang	16.01.1998	Nam	K12CĐ-TY	10	47	19	76	Đạt	
14	DTU161C6402010028	Nông T.Phương Thảo	14.06.1998	Nữ	K12CĐ-TY	10	49	19	78	Đạt	
15	DTU161C6402010006	Hoàng Văn Thuần	14.09.1998	Nam	K12CĐ-TY	12	50	12	74	Đạt	
16	DTU161C6402010011	Bùi Thị Thương	17.06.1997	Nữ	K12CĐ-TY	11	50	12	73	Đạt	
17	DTU161C6402010032	Vương Thị Tiên	29.05.1995	Nữ	K12CĐ-TY	10	49	14	73	Đạt	
18	DTU161C6402010016	Dương Văn Tuấn	20.10.1997	Nam	K12CĐ-TY	11	48	16	75	Đạt	
19	DTU161C6402010029	Nguyễn Văn Tuấn	03.10.1998	Nam	K12CĐ-TY	9	42	11	62	Không đạt	
20	DTU161C6402010031	Nguyễn Thanh Tùng	25.05.1998	Nam	K12CĐ-TY	9	46	11	66	Không đạt	
21	DTU161C6402010004	Dương Văn Vĩnh	18.08.1990	Nam	K12CĐ-TY	9	49	16	74	Đạt	
22	DTU161C6402010015	Lê Thị Xuân	25.02.1998	Nữ	K12CĐ-TY	9	50	13	72	Đạt	
23	CDT12021766402030002	Diệp Tuấn Anh	27.09.1989	Nam	K13CĐ-TY	11	42	19	72	Đạt	

24	CDT12021766402030009	Dương Hữu Anh	15.12.1999	Nam	K13CĐ-TY	11	43	19	73	Đạt	
25	DTU161C6402010014	Nguyễn Phúc Đức	02.08.1997	Nam	K13CĐ-TY	9	38	20	67	Không đạt	
26	CDT12021766402030001	Quách Thị Hằng	10.12.1999	Nữ	K13CĐ-TY	12	41	20	73	Đạt	
27	CDT12021766402030010	Dương Văn Hiếu	16.09.1999	Nam	K13CĐ-TY	11	43	16	70	Đạt	
28	CDT12021766402030018	Trần Văn Hoạch	13.12.1999	Nam	K13CĐ-TY	11	42	17	70	Đạt	
29	CDT12021766402030012	Đinh Thị Huệ	18.10.1996	Nữ	K13CĐ-TY	12	43	17	72	Đạt	
30	CDT12021766402030005	Trần Văn Hoàng	01.05.1998	Nam	K13CĐ-TY	11	43	16	70	Đạt	
31	CDT12021766402030002	Ma Văn Linh	10.12.1997	Nam	K13CĐ-TY	11	37	15	63	Không đạt	
32	CDT12021766402030016	Hoàng Việt Hùng	14.12.1996	Nam	K13CĐ-TY	11	41	18	70	Đạt	
33	CDT12021766402030020	Lý Quốc Phòng	06.03.1999	Nam	K13CĐ-TY	9	42	17	68	Không đạt	
34	CDT12021766402030011	Nguyễn Văn Thiêm	11.03.1999	Nam	K13CĐ-TY	9	37	17	63	Không đạt	
35	CDT12021766402030014	Ngân Văn Thọ	05.09.1999	Nam	K13CĐ-TY	11	41	18	70	Đạt	
36	CDT12021766402030004	Bế Thị Thúy	05.11.1999	Nữ	K13CĐ-TY	11	43	20	74	Đạt	
37	CDT12021766402030007	Hoàng Thị Trang	20.10.1985	Nữ	K13CĐ-TY	11	45	20	76	Đạt	
38	DTU131C6402010055	Dương Văn Tươi	26.07.1994	Nam	K13CĐ-TY	11	37	20	68	Không đạt	
39	CDT12021765102160002	Nguyễn Hữu Được	04.06.1999	Nam	K13CĐ-Ôtô	11	40	15	66	Không đạt	
40	CDT12021765102160003	Đinh Văn Hiền	21.07.1999	Nam	K13CĐ-Ôtô	10,5	40	15	65,5	Không đạt	
41	CDT12021765102160018	Lê Tuấn Hoàng	27.07.1999	Nam	K13CĐ-Ôtô	11,5	40	19	70,5	Đạt	
42	CDT12021765102160019	Dương Đức Huy	11.12.1999	Nam	K13CĐ-Ôtô	11	37	17	65	Không đạt	
43	CDT12021765102160007	Đào Văn Nó	06.10.1997	Nam	K13CĐ-Ôtô	10,5	42	13	65,5	Không đạt	
44	CDT12021765102160014	Đỗ Văn Quyền	20.10.1999	Nam	K13CĐ-Ôtô	11	44	16	71	Đạt	
45	CDT12021765102160022	Triệu Quang Thành	20.01.1999	Nam	K13CĐ-Ôtô	11	43	16	70	Đạt	
46	CDT12021765102160016	Tạ Hữu Thắng	04.11.1999	Nam	K13CĐ-Ôtô	10	43	17	70	Đạt	
47	CDT12021765102160001	Nguyễn Minh Tú	12.11.1999	Nam	K13CĐ-Ôtô	10	39	21	70	Đạt	
48	CDT12021765102160017	Lý Văn Tuyền	10.12.1997	Nam	K13CĐ-Ôtô	9	42	20	71	Đạt	
49	CDT12021765102160010	Lý Văn Viên	28.09.1999	Nam	K13CĐ-Ôtô	10,5	50	18	78,5	Đạt	
50	DTU161C5103010014	Đàm Văn Anh	29.07.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10,5	46	19	75,5	Đạt	
51	DTU161C510301S003	Trần Đức Anh	14.06.1996	Nam	K12CĐ-Điện	12	49	20	81	Đạt	
52	DTU161C5103010011	Đặng Xuân Ba	08.05.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10	52	19	81	Đạt	
53	DTU161C5103010001	Lưu Văn Cường	15.01.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10	48	7	65	Không đạt	
54	DTU161C5103010031	Hoàng Văn Dũng	01.08.1998	Nam	K12CĐ-Điện	9	46	10	65	Không đạt	
55	DTU161C5103010024	Phạm Quang Duy	20.12.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10	50	19	79	Đạt	

56	DTU161C5103010025	Nông Trung	Đông	16.07.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10	57	19	86	Đạt
57	DTU161C5103010006	Tô Hoàng	Giang	02.05.1998	Nam	K12CĐ-Điện	11	44	20	75	Đạt
58	DTU161C5103010003	Đặng Văn	Hiền	16.01.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10	52	21	83	Đạt
59	DTU141C510301S036	Lục Viết	Hội	10.02.1995	Nam	K12CĐ-Điện	10	50	21	81	Đạt
60	DTU161C5103010040	Bàng Quốc	Hùng	09.10.1998	Nam	K12CĐ-Điện	9	54	21	84	Đạt
61	DTU161C5103010043	Nguyễn Khắc	Hung	02.08.1990	Nam	K12CĐ-Điện	12,5	53	21	86,5	Đạt
62	DTU161C5103010051	Phạm Văn	Khánh	02.09.1996	Nam	K12CĐ-Điện	12	50	21	83	Đạt
63	DTU161C5103010023	Trần Công	Minh	15.11.1997	Nam	K12CĐ-Điện	10,5	49	20	79,5	Đạt
64	DTU161C5103010002	Lâm Giáp	Mùi	14.07.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10,5	46	20	76,5	Đạt
65	DTU161C5103010027	Lê Văn	Mười	03.02.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10	52	20	82	Đạt
66	DTU161C5103010036	Đặng Xuân	Nhuận	03.11.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10	52	20	82	Đạt
67	DTU161C5103010038	Lương Ngọc	Quân	05.09.1998	Nam	K12CĐ-Điện	9	53	22	84	Đạt
68	DTU161C5103010009	Nguyễn Ngọc	Quyển	19.09.1998	Nam	K12CĐ-Điện	9	47	22	78	Đạt
69	DTU161C5103010022	Hoàng Xuân	Quỳnh	14.03.1998	Nam	K12CĐ-Điện	9,5	46	22	77,5	Đạt
70	DTU161C5103010013	Đặng Hồng	Sơn	28.06.1998	Nam	K12CĐ-Điện	9,5	49	22	80,5	Đạt
71	DTU161C5103010048	Lê Thanh	Sơn	19.09.1991	Nam	K12CĐ-Điện	12,5	52	21	85,5	Đạt
72	DTU161C5103010016	Nguyễn Hữu	Sơn	03.11.1998	Nam	K12CĐ-Điện	11	53	21	85	Đạt
73	DTU161C5103010052	Phạm Hồng	Sơn	25.08.1996	Nam	K12CĐ-Điện	10	55	21	86	Đạt
74	DTU161C5103010026	Dương Tiến	Thành	30.10.1994	Nam	K12CĐ-Điện	10	55	21	86	Đạt
75	DTU161C5103010035	Nguyễn Đình	Thành	09.12.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10	47	21	78	Đạt
76	DTU161C5103010037	Dương Văn	Thắng	18.06.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10	49	20	79	Đạt
77	DTU161C5103010005	Vũ Thị	Thu	23.09.1998	Nữ	K12CĐ-Điện	9,5	51	22	82,5	Đạt
78	DTU141C5103010144	Chu Đức	Trọng	05.06.1994	Nam	K12CĐ-Điện	9,5	51	22	82,5	Đạt
79	DTU161C5103010044	Nguyễn Văn	Trọng	14.06.1997	Nam	K12CĐ-Điện	10	51	22	83	Đạt
80	DTU161C5103010041	Trần Đức	Trọng	17.04.1997	Nam	K12CĐ-Điện	10	51	15	76	Đạt
81	DTU161C5103010007	Tạ Khắc	Trường	01.05.1998	Nam	K12CĐ-Điện	11	47	20	78	Đạt
82	DTU161C5103010042	Nguyễn Văn	Tùng	20.10.1998	Nam	K12CĐ-Điện	10	54	20	84	Đạt
83	DTU161C5103010046	Hoàng Văn	Tường	16.08.1998	Nam	K12CĐ-Điện	12	52	21	85	Đạt
84	DTU161C5102010008	Nguyễn Việt	Dũng	18.10.1997	Nam	K12CĐ-Máy	9,5	54	19	82,5	Đạt
85	DTU161C5102010011	Nguyễn Bình	Dương	26.12.1998	Nam	K12CĐ-Máy	12	44	17	73	Đạt
86	DTU161C5102010017	Vi Tiến	Đăng	24.02.1997	Nam	K12CĐ-Máy	11	52	18	81	Đạt
87	DTU161C5102010003	Bàng Văn	Hoàng	25.01.1998	Nam	K12CĐ-Máy	12	55	23	90	Đạt

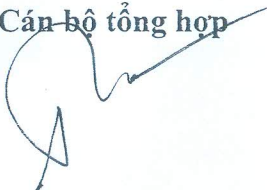
88	DTU161C5102010014	Trương Ngọc	Khánh	02.02.1990	Nam	K12CĐ-Máy	12	45	13	70	Đạt	Trừ 50% điểm môn Nghe hiểu do cố ý đánh dấu bài thi
89	DTU161C5102010009	Khổng Minh	Khôi	06.09.1998	Nam	K12CĐ-Máy	10	51	10	71	Đạt	Trừ 50% điểm môn Nghe hiểu do cố ý đánh dấu bài thi
90	DTU161C5102010015	Vi Văn	Luyện	08.02.1998	Nam	K12CĐ-Máy	10	47	10	67	Không đạt	Trừ 50% điểm môn Nghe hiểu do cố ý đánh dấu bài thi
91	DTU161C5102010021	Hoàng Văn	Lý	16.07.1998	Nam	K12CĐ-Máy	10,5	43	10	63,5	Không đạt	Trừ 50% điểm môn Nghe hiểu do cố ý đánh dấu bài thi
92	DTU161C5102010018	Dương Văn	Minh	06.09.1997	Nam	K12CĐ-Máy	10	50	23	83	Đạt	
93	DTU161C5102010013	Lương Ngọc	Son	27.04.1998	Nam	K12CĐ-Máy	10	47	11	68	Không đạt	Trừ 50% điểm môn Nghe hiểu do cố ý đánh dấu bài thi
94	DTU161C5102010001	Dương Hữu	Trọng	11.11.1998	Nam	K12CĐ-Máy	11	49	10	70	Đạt	Trừ 50% điểm môn Nghe hiểu do cố ý đánh dấu bài thi
95	CDT12021765103030066	Trần Xuân	Bách	15.01.1998	Nam	K13CĐ-Điện	10	49	24	83	Đạt	
96	CDT12021765103030035	Đặng Hoàng	Doanh	05.10.1997	Nam	K13CĐ-Điện	11	50	24	85	Đạt	
97	CDT12021765103030007	Nguyễn Văn	Đạt	16.10.1999	Nam	K13CĐ-Điện	10	44	23	77	Đạt	
98	CDT12021765103030020	Trần Văn	Đông	15.01.1999	Nam	K13CĐ-Điện	11	48	23	82	Đạt	
99	CDT12021765103030046	Hoàng Văn	Được	07.06.1999	Nam	K13CĐ-Điện	5	46	24	75	Đạt	
100	CDT12021765103030043	Hà Ngọc	Giang	24.09.1999	Nam	K13CĐ-Điện	9	44	24	77	Đạt	
101	CDT12021765103030025	Dương Văn	Hào	16.03.1999	Nam	K13CĐ-Điện	13	47	23	83	Đạt	
102	CDT12021765103030060	Hứa Văn	Hiếu	29.09.1999	Nam	K13CĐ-Điện	8	48	22	78	Đạt	
103	CDT12021765103030011	Nguyễn Minh	Hiếu	28.09.1999	Nam	K13CĐ-Điện	12	46	17	75	Đạt	
104	CDT12021765103030053	Nguyễn Văn	Hòa	19.12.1999	Nam	K13CĐ-Điện	9	44	20	73	Đạt	
105	CDT12021765103030057	Nguyễn Duy	Hoàng	24.08.1999	Nam	K13CĐ-Điện	9	47	19	75	Đạt	
106	CDT12021765103030021	Nông Văn	Hùng	25.10.1999	Nam	K13CĐ-Điện	9	48	22	79	Đạt	
107	CDT12021765103030038	Riêu Ngọc	Hùng	04.05.1999	Nam	K13CĐ-Điện	8	48	14	70	Đạt	
108	CDT12021765103030070	Triệu Văn	Hùng	20.03.1999	Nam	K13CĐ-Điện	8	44	22	74	Đạt	
109	CDT12021765103030027	Dương Văn	Huy	26.01.1999	Nam	K13CĐ-Điện	8	48	23	79	Đạt	
110	CDT12021765103030013	Lý Văn	Huy	18.09.1999	Nam	K13CĐ-Điện	9	45	24	78	Đạt	
111	CDT12021765103030072	Ngô Thị Thu	Huyền	24.09.1999	Nữ	K13CĐ-Điện	6	45	24	75	Đạt	
112	CDT12021765103030055	Dương Đình	Khánh	21.06.1996	Nam	K13CĐ-Điện	5	48	24	77	Đạt	
113	CDT12021765103030047	Lý Đoàn	Khuê	15.02.1999	Nam	K13CĐ-Điện	11	47	23	81	Đạt	

148	CDT12021765103030045	Ngọc Minh	Vũ	10.01.1999	Nam	K13CĐ-Điện	12	46	22	80	Đạt
149	CDT12021765202270011	Ma Thế	Anh	14.08.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	13	46	21	80	Đạt
150	CDT12021765202270013	Phùng Văn	Bình	17.03.1998	Nam	K13CĐ-ĐCN	10	46	20	76	Đạt
151	CDT12021765202270018	Lý Lé	Cà	01.01.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	10	48	20	78	Đạt
152	CDT12021765202270019	Chu Khử	Chống	19.10.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	10	42	12	64	Không đạt
153	CDT12021765202270020	Nguyễn Đình	Dương	16.09.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	10	40	17	67	Không đạt
154	CDT12021765103030068	Nguyễn Văn	Hoài	09.02.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	11	48	16	75	Đạt
155	CDT12021765202270016	Lý Quang	Hùng	17.10.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	11	44	17	72	Đạt
156	CDT12021765202270005	Nguyễn Việt	Hùng	06.06.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	6	44	15	65	Không đạt
157	CDT12021765202270002	Nguyễn Văn	Hưng	23.09.1997	Nam	K13CĐ-ĐCN	6	42	14	62	Không đạt
158	CDT12021765202270015	Chu Văn	Hướng	07.08.1995	Nam	K13CĐ-ĐCN	11	42	17	70	Đạt
159	CDT12021765202270004	Nguyễn Khánh	Linh	10.08.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	11	42	17	70	Đạt
160	CDT12021765202270017	Phương Văn	Nghĩa	25.07.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	14	46	17	77	Đạt
161	CDT12021765202270022	Nguyễn Văn	Ngọc	30.07.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	10	47	16	73	Đạt
162	CDT12021765103030019	Nguyễn Văn	Nguyên	28.11.1998	Nam	K13CĐ-ĐCN	8	42	13	63	Không đạt
163	CDT12021765202270012	Viên Đức	Quang	16.09.1995	Nam	K13CĐ-ĐCN	8	33	11	52	Không đạt
164	CDT12021765103030049	Lê Hoàng	Son	20.09.1998	Nam	K13CĐ-ĐCN	8	46	18	72	Đạt
165	CDT12021765202270007	La Đức	Thắng	04.09.1999	Nam	K13CĐ-ĐCN	13	46	18	77	Đạt
166	CDT12021765202270006	Nông Quang	Tùng	24.11.1997	Nam	K13CĐ-ĐCN	8	46	18	72	Đạt
167	CDT12021765202270024	Nguyễn Văn	Tụng	21.08.1994	Nam	K13CĐ-ĐCN	5	46	16	67	Không đạt
168	CDT12021765202270014	Dương Văn	Vũ	30.08.1998	Nam	K13CĐ-ĐCN	10	47	16	73	Đạt
169	CDT12021765202270001	Vi Văn	Thiện	17.07.1996	Nam	K13CĐ-ĐCN	9	49	16	74	Đạt
170	CDT12021765102010005	Nguyễn Cường	Duy	21.04.1999	Nam	K13CĐ-Máy	14	46	17	77	Đạt
171	CDT12021765102010015	Thắm Thế	Duyên	11.06.1991	Nam	K13CĐ-Máy	14	52	18	84	Đạt
172	CDT12021765102010004	Lý Gió	Giá	18.07.1998	Nam	K13CĐ-Máy	9	49	21	79	Đạt
173	CDT12021765102010003	Trần Minh	Giang	14.12.1999	Nam	K13CĐ-Máy	10	45	21	76	Đạt
174	CDT12021765102010021	Triệu Tiến	Giang	20.03.1996	Nam	K13CĐ-Máy	12	48	20	80	Đạt
175	CDT12021765102010014	Hoàng Văn	Hải	20.08.1999	Nam	K13CĐ-Máy	10	48	20	78	Đạt
176	CDT12021765102010013	Lềng Song	Hoàng	20.11.1999	Nam	K13CĐ-Máy	10	49	20	79	Đạt
177	CDT12021765102010012	Phạm Mạnh	Hùng	17.10.1999	Nam	K13CĐ-Máy	10	50	20	80	Đạt
178	CDT12021765102010019	Lục Văn	Khai	28.04.1999	Nam	K13CĐ-Máy	13	48	21	82	Đạt
179	CDT12021765102010007	Phạm Thanh	Lâm	26.04.1999	Nam	K13CĐ-Máy	12	48	21	81	Đạt
180	CDT12021765102010022	Lương Công	Mạnh	07.06.1999	Nam	K13CĐ-Máy	10	50	18	78	Đạt
181	CDT12021765102010018	Đặng Nguyên	Sen	11.01.1998	Nam	K13CĐ-Máy	13	47	22	82	Đạt

182	CDT12021765102010001	Nguyễn Văn	Tuấn	23.01.1998	Nam	K13CĐ-Máy	10	50	23	83	Đạt	
183	DTU161C2202100013	Phùng Thị	Châm	21.08.1995	Nữ	K12CĐ-Hàn	10	48	22	80	Đạt	
184		Ng. Đình Minh	Dân	04.06.1998	Nam	K12CĐ-Hàn	11	48	23	82	Đạt	
185	DTU161C22021000008	Đặng Thị	Duyên	28.01.1996	Nữ	K12CĐ-Hàn	11	48	23	82	Đạt	
186	DTU161C22021000012	Nông Văn	Dương	08.01.1997	Nam	K12CĐ-Hàn	11	47	22	80	Đạt	
187	DTU161C22021000010	Nguyễn Thị	Phương	23.07.1998	Nữ	K12CĐ-Hàn	13	55	23	91	Đạt	
188	DTU161C22021000006	Nguyễn Thị	Tâm	09.05.1997	Nữ	K12CĐ-Hàn	12	53	23	88	Đạt	
189	DTU161C22021000007	Dương Thanh	Thiện	21.11.1996	Nữ	K12CĐ-Hàn	11	51	22	84	Đạt	
190	DTU161C22021000001	Tổng Thị	Thoa	22.08.1998	Nữ	K12CĐ-Hàn	12	50	23	85	Đạt	
191	DTU161C22021000005	Nguyễn Thị	Tình	09.01.1997	Nữ	K12CĐ-Hàn	12	47	23	82	Đạt	
192	DTU151C8501040025	Hồ A	Chi	13.02.1994	Nam	K11CĐ-ĐCMT	11	48	20	79	Đạt	
193	DTU151C6402010012	Hoàng Đức	Hải	28.02.1996	Nam	K12CĐ-TY	11	45	21	77	Đạt	

Tổng số sinh viên dự thi: 192 sinh viên; Đạt yêu cầu: 161 sinh viên (chiếm 83,8%); Không đạt yêu cầu: 31 sinh viên (chiếm 16,1%).

Cán bộ tổng hợp



Nguyễn Mạnh Cường

Phó Chủ tịch Hội đồng



PGS.TS. Nguyễn Văn Bình

